TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-9-2021.
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Bà Phan Thị Thanh Tâm.

2/. Ông Nguyễn Văn Kiệt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Mỹ T, sinh năm 1990 (*có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp ĐU, xã PM, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Thanh S, sinh năm 1988 (*có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp PT, xã PM, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/3/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lâm Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh Lâm Thanh S có tổ chức lễ cưới vào tháng 03/2008 nhưng đến ngày 28/7/2010 mới đi đăng ký kết hôn quá hạn và được Ủy ban nhân dân xã PM, huyện

MT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126, ngày 28/7/2010. Sau khi kết hôn, Chị và anh S sống chung với nhau tại ấp PT, xã PM, cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi vã mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành do anh S không chí thú làm ăn chỉ lo nhậu nhẹt. Chị và anh S đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lâm Thị Mỹ Nh, sinh ngày 09/12/2008, hiện nay cháu đang sống chung với chị.

Quá trình chung sống anh, chị không có tài sản chung, nợ chung. Nay chị Lâm Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lâm Thanh S.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lâm Thị Mỹ Nh và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho tới khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

- Tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lâm Thanh S trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý và không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lâm Thanh S. Về con chung: Ghi nhận ý kiến của chị T và anh S giao cháu Lâm Thị Mỹ Nh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng**:** Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Lâm Thị Mỹ T và bị đơn anh Lâm Thanh S. Tuy nhiên, chị T và anh S đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh S.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lâm Thị Mỹ T và anh Lâm Thanh S tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T và anh S đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã PM, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/7/2010, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống đầm ấm hạnh phúc và đã có con chung với nhau, tuy nhiên thời gian chung sống không bao lâu thì anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị T yêu cầu ly hôn với anh S. Chị T cho rằng anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh S, chị không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S. Anh S cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh S đã không còn, mâu thuẫn giữa anh, chị không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân của anh, chị không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị cũng thống nhất được ly hôn với nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Tiên được ly hôn với anh Sang để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh S có một con chung là cháu Lâm Thị Mỹ Nh, sinh ngày 09/12/2008, hiện nay đang sống chung với chị T. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 02/6/2021 cháu Nh có nguyện vọng được sống chung với mẹ, đồng thời giữa chị T và anh S thống nhất thỏa thuận giao cháu Nh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử quyết ghi nhận ý kiến của chị T và anh S giao cháu Lâm Thị Mỹ Nh cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh S không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh S thống nhất anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Mỹ T chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh Lâm Thanh S phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng do anh S là người dân tộc khmer, cư trú tại xã có vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lâm Thanh S.

2/ Về con chung: Giao cháu Lâm Thị Mỹ Nh, sinh ngày 09/12/2008 cho chị Lâm Thị Mỹ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Lâm Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Thị Mỹ Nh mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 30/9/2021, địa điểm cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Lâm Thanh S, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện hợp pháp quyền này.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Mỹ T chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Tiên đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009031 ngày 05/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Anh Lâm Thanh S được miễn nộp tiền án phí.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã PM, huyện MT;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Trương Anh Tuấn

Sơn Thanh Bình Lý Thanh Phong Trương Anh Tuấn